TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1459/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số B Đường số E, phường P, thành phố T, (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1976 (có mặt)

HKTT: Số 283, Tổ 9, thôn Tiến Đạt, xã Quảng Tiến, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Phòng bảo vệ Chung cư Ehome Đông Sài Gòn 2, Đường D2, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, (nay là phường Phước Long), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L thì:

Bà và ông Trịnh Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, (nay là phường T), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2023, ngày 23/6/2023.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông S hay nghi ngờ vợ không chung thủy. Ông S có lời lẽ gây tổn thương cho bà L. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây ồn ào trong nhà. Hai bên cố gắng khắc phục nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài cho đến hiện nay. Từ tháng 12/2024, ông S dọn ra khỏi nhà và vợ chồng số ly thân cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trịnh Văn S trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc đăng ký kết hôn và thời gian kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau.

Việc bà L cho rằng ông S có lời lẽ gây tổn thương cho bà L, theo ông thì những lời đó là lúc vợ chồng có lời qua tiếng lại chứ không đến mức xúc phạm bà L. Từ chuyện nhỏ làm cho thành lớn chuyện. Bà L không có sự quan tâm đến ông

S. Từ tháng 12 năm 2024, do buồn cách cư xử của bà Lê N ông S đã đi làm, không về nhà cho đến nay. Ông S rất coi trọng việc vợ chồng kết hôn và được chứng nhận đăng ký kết hôn.

Nay bà L yêu cầu được ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Lê G nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông S. Trong cuộc sống ông S không tin tưởng bà L và gia đình bà. Ông S có thái độ không tôn trọng bà và gia đình bà. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông S. Bà và ông S không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông S trình bày: Ông và bà L thương yêu nhau mới đăng ký kết hôn. Sau khi phát sinh mâu thuẫn bà L không quan tâm chăm sóc ông. Khi ông nằm bệnh viện bà L cũng không hỏi thăm sức khỏe, chăm sóc cho ông. Do buồn cách cư xử của bà Lê N ông đã không về nhà từ tháng 12/2024 cho đến nay. Với thái độ của bà L với ông thì ông xác định không còn tình cảm với bà L. Tuy nhiên, ông rất coi trọng việc đăng ký kết hôn hơn nữa mẹ ông già yếu, ông không muốn làm ảnh hưởng đến sức khỏe của mẹ ông nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà Lê N1 được lý do chính đáng để ly hôn thì ông sẽ đồng ý ly hôn với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn S cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà Lê phù H quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Trịnh Văn S kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2023 ngày 23/6/2023, nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà L thì sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông S không tôn trọng bà và gia đình bà. Cả ông S và bà L đều xác nhận, sau khi phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12/2024 thì vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2024 cho đến nay.

Ông S và bà L đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Ông S trình bày ông chỉ đồng ý ly hôn với bà Lê K bà Lê N1 được lý do chính đáng bên cạnh đó ông cũng lo sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của mẹ ông. Hội đồng xét xử xét, vợ chồng chung sống với nhau dựa trên sự tự nguyện, tiến bộ, cùng nhau xây dựng gia đình. Bà Lê K1 muốn chung sống với ông S vì giữa bà và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng không còn. Bản thân ông S cũng xác định không còn tình cảm với bà L. Cả ông S và bà L đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay và không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc vợ chồng kết hôn chung sống phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ vợ chồng thì mới xây dựng được gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, ông S và bà L đã không còn sống chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Lê K1 muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình. Như vậy, ông Trịnh Văn S, bà Nguyễn Thị Hồng L đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà L có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Ông S và bà Lê K2 không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Lê

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1979 ly hôn ông Trịnh Văn S, sinh năm 1976.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000412 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi cấp GCN đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Thanh